

Số: 1468 /BTC-CST
V/v chính sách thuế đối với
chứng quyền có bảo đảm

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để triển khai công tác thu, nộp, quản lý thuế đối với sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán, Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với chứng quyền có bảo đảm là chứng quyền mua dựa trên tài sản cơ sở là cổ phiếu niêm yết, thực hiện quyền kiểu Châu Âu và có phương thức thanh toán bằng tiền (sản phẩm được quy định tại Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước- sau đây gọi tắt là chứng quyền) như sau:

1. Về thuế GTGT

Căn cứ quy định tại điểm c, điểm d, điểm g khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2. Về thuế TNDN

a) Đối với doanh nghiệp trong nước

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 7 và Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN, trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp (bao gồm công ty chứng khoán phát hành chứng quyền và nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam) có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm (thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh, chào bán và thanh toán chứng quyền, hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của chứng quyền có bảo đảm) thì khoản thu nhập này doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

b) Đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài)

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN tại điểm 3 công văn này.

3. Về thuế TNCN

a) Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

b) Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thì giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm là:

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Giá thanh toán của chứng quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là cổ phiếu của Công ty cổ phần sữa Việt Nam (VNM) với giá 1.400 VNĐ/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 VNĐ.

- Nếu nhà đầu tư bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200 \text{ VNĐ}$.

- Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200 \text{ VNĐ}$.

c) Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Do hiện hành mới quy định thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền nên thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền. Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của tài sản cơ sở (VNM) do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là:

$$155.000 \times (100 : 10) \times 0,1\% = 1.550 \text{ VNĐ}$$

4. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế

a) Đối với công ty chứng khoán phát hành chứng quyền

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm phát hành chứng quyền mua, thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm thực hiện quyền.

b) Đối với nhà đầu tư (bao gồm tổ chức, cá nhân)

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

5. Khấu trừ thuế

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại điểm 2b, điểm 3 công văn này trước khi thanh toán tiền cho cá nhân, nhà thầu nước ngoài.

Bộ Tài chính hướng dẫn để Cục thuế địa phương biết và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được xem xét, giải quyết. / *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị: UBCKNN, TCT, Vụ PC, Vụ CDKT; ✓
- Website Bộ Tài chính; ✓
- Website Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, Vụ CST (TN). *th*



Vũ Thị Mai